TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN HỒNG** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2024/HS-ST

Ngày: 03-4-2024

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Sinh.

Bà Lương Thị Anh Đào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Vũ Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Bùi Minh Hậu - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 20 tháng 3 và ngày 03 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số15/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/HSST-QĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Trung T, sinh năm 2000 tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi cư trú: Khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1979 và con bà Trương Thị Mỹ L, sinh năm 1983; Có 02 anh em ruột: Bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Tạm giữ: Không; Tạm giam: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Huỳnh Thị T1, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người làm chứng:

1/. Lê Văn T2, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Cư trú: Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

2/. Nguyễn Văn T3, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Cư trú: Khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3/. Phạm Thế H, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Cư trú: Khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

4/. Nguyễn Văn D, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Cư trú: Ấp B, xã B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 23-5-2023 Nguyễn Văn D rủ bị cáo Nguyễn Trung T đi trộm cắp tài sản và bị cáo T đồng ý. Khi đi D điều khiển xe mô tô của Dính, không rõ biển số, nhãn hiệu: Sirius; màu đen chở bị cáo T đi từ thành phố H theo tuyến Quốc lộ C vào huyện T. Khi xe chạy qua chùa P được khoảng 100 mét thì D dừng lại và kêu bị cáo T ngồi trên xe đợi và cảnh giới khi có người qua lại, bật chìa khóa xe sẵn, sau đó D đi vào nhà của anh Bùi Văn Đ, thuộc ấp T, xã T, huyện T cắt khoen khóa cửa trước vào bên trong lấy trộm 01 xe mô tô biển số 66K1-537.57 của chị Huỳnh Thị T1 dẫn đi ra ngoài đường lộ. Do xe không có chìa khóa nên D kêu bị cáo T ngồi lên xe mô tô cầm tay lái để D chạy xe mô tô của D phía sau đẩy xe mô tô vừa trộm cắp được đi khoảng 01 km thì ngừng lại rồi Dính câu dây điện cho xe nổ máy, sau đó cả hai điều khiển xe mô tô chạy về nhà của Phạm Thế H thuộc khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. Khi đến nhà của H, D kêu mở cửa, lúc này Nguyễn Văn T3 (H) trong nhà của H đi ra mở cửa, sau đó bị cáo T dẫn xe mô tô biển số 66K1-537.57 vừa trộm được vào bên trong nhà của H cất giữ, đến khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an huyện T phối hợp cùng với Công an phường A, thành phố H đến nhà của Phạm Thế H kiểm tra phát hiện và tạm giữ xe.

Vật chứng của vụ án thu giữ:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu: YAMAHA, số loại: Sirius; màu sơn: Cam- đen; số máy: E34CE032281; số khung: RLCUE4120NY 008478 không có gắn biển số đã qua sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã xử lý trả xe lại cho bị hại Huỳnh Thị T1.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 22/KL-HĐĐG ngày 04-8-2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA; số loại: SIRIUS; màu: Cam – Đen; số máy: E34CE032281; số

khung: RLCUE4120NY008478 giá trị còn lại 90%, giá trị định giá là 16.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 11/CT-VKSTH ngày 05-02-2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp đã truy tố Nguyễn Trung T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Trung t đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo T khai việc Nguyễn Văn D rủ đi trộm và lấy được xe mô tô của của chị Huỳnh Thị T1 đem về nhà của Phạm Thế H, qua ngày hôm sau thì bị bắt thu hồi lại xe trả cho chị T1. Việc D rủ đi trộm thì không ai biết, lúc đem xe về nhà H thì H không biết.

Tại phần luận tội, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Trung T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Trung T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích trên Kiểm sát viên, áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Trung T mức án từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Huỳnh Thị T1 đã nhận lại xe mô tô bị mất trộm, ngoài ra không có yêu cầu bồi thường gì thêm, nên không xem xét giải quyết.

Về vật chứng: Trong giai đoạn điều tra đã xử lý xong, nên không xem xét xử lý.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo T khai nhận đi trộm cắp tài sản xe mô tô cùng với Nguyễn Văn D nhưng qua làm việc thì D không thừa nhận, chỉ có lời khai của bị cáo T, ngoài ra không có tài liệu, chứng cứ nào khác nên chưa đủ căn cứ để xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Văn D về vai trò đồng phạm với bị cáo T là phù hợp quy định pháp luật.

Đối với Phạm Thế H khi bị cáo T mang xe mô tô trộm cắp được cất giữ trong nhà của H và H không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không xem xét xử lý, là phù hợp quy định pháp luật

Bị cáo không tham gia tranh luận.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và hứa sẽ không tái phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, Kiểm sát viên trong quá trình tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Từ khi khởi tố vụ án cho đến tại phiên tòa sơ thẩm những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Xét thấy các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Trung T thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố, phù hợp với lời khai của người bị hại; người làm chứng; kết luận định giá và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy qua tranh tụng đã đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 23-5-2023 bị cáo đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của bị hại Huỳnh Thị T1 01 xe mô tô giá trị định giá tài sản là 16.000.000 đồng.

[3] Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi. Xuất phát từ lòng tham lam của bản thân, lười biến lao động, bị cáo đã có hành vi lén lút nhằm để chiếm đoạt tài sản của bị hại. Lời thú nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị hại; người làm chứng; kết luận định giá và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những phân tích trên, đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Trung T cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều luật trên quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

[4] Xét thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại, gây hoang mang, lo lắng trong cộng đồng dân cư nơi xảy phạm tội. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm để giáo dục cho bị cáo trở thành người tốt và có ích cho xã hội. Trong quá trình điều tra và qua tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Trung T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy, nên xem xét giảm nhẹ một phần mức hình phạt cho bị cáo, nhằm thể hiện tính nhân đạo của pháp luật nước ta.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa xét thấy bản thân bị cáo làm thuê, thu nhập thấp nên không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Huỳnh Thị T1 đã nhận lại xe mô tô bị mất trộm, ngoài ra không có yêu cầu bồi thường gì thêm, nên không xem xét giải quyết là phù hợp quy định pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng: Trong giai đoạn điều tra đã xử lý xong, nên không xem xét xử lý.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T khai nhận đi trộm cắp tài sản xe mô tô cùng với Nguyễn Văn D nhưng qua làm việc và đối chất thì D không thừa nhận, chỉ có lời khai của bị cáo T, ngoài ra không có tài liệu, chứng cứ nào khác nên chưa đủ căn cứ để xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Văn D về vai trò đồng phạm với bị cáo T là phù hợp quy định pháp luật.

Đối với Phạm Thế H khi bị cáo T mang xe mô tô trộm cắp được cất giữ trong nhà của H và H không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không xem xét xử lý, là phù hợp quy định pháp luật

[8] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Trung T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Xét thấy phát biểu luận tội; đề nghị mức hình phạt của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung T 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Trung T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 03-4-2024). Đối với bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND tỉnh ĐT;
- Sở Tư pháp tỉnh ĐT;
- VKSND huyện Tân Hồng, tỉnh ĐT;
- Cơ quan CSĐT CA Tân Hồng, ĐT;
- Cơ quan THAHS CA Tân Hồng, ĐT;
- CC THADS huyện Tân Hồng, tỉnh ĐT;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Tựu